TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI,** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2019
Về việc "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Hoàng Long.

2. Ông Dương Thành Lực.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tưởng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai tiến hành xét xử sở thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 16/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2019 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117a/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Kim Ng, sinh năm 1965 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Vinh Q, là luật sư Văn phòng luật sư V.Q thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (Có mặt).

Địa chỉ: số 298/5 khu vực 11, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Triệu Thanh T, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ng trình bày: Bà và ông T tự quen nhau, tìm hiểu và được gia đình 02 bên tổ chức Lễ cưới hỏi theo nghi thức truyền thống, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thuận, huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ vào ngày 10/10/1987 (Nay là xã Đông Bình, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ). Thời gian chung sống ông bà có 02 con chung, không có con riêng, con nuôi. Không có tài sản, không nợ.

Mâu thuẫn phát sinh kể từ năm 2011 đến 2018 nguyên nhân chủ yếu là do ông T ăn xài phung phí, chỉ phục vụ cho nhu cầu bản thân và thường xuyên gây nợ mà không biết lý do. Mặc dù đã nhiều lần thay ông trả hết nợ đồng thời khuyên nhủ mong thay đổi, từ bỏ nhưng ông vẫn hứa hẹn xong rồi trở lại như ban đầu, vẫn không đạt kết quả. Thời gian gần đây khoảng năm 2018 bà phát hiện ông T có mối quan hệ ngoài hôn nhân với nhiều phụ nữ khác, khi chị phát hiện, khuyên can thì ông chửi, xúc phạm và nghi ngờ ngược lại. Thấy rằng ông T không biết sửa sai ngược lại còn gây thêm tình hình căng thẳng trong gia đình, việc ông bà tuy sống ly thân nhiều năm nay nhưng vẫn ở chung gia đình ngày càng trở nên bực bội, bức xúc, căng thẳng ảnh hưởng đến các con. Do đó, để mỗi người có cuộc sống riêng tư, không gian riêng tư và bình tâm trở lại, không còn vướn bận lẫn nhau về cách sống, việc làm của mỗi người nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Con chung Triệu Thị Việt A (Nữ), sinh năm 1988 và Triệu Việt Kh (Nam), sinh năm 1990 đã trưởng thành không yêu cầu xem xét; Tài sản và nợ không có, không yêu cầu xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên không thể ghi nhận lời trình bày, ý kiến, quan điểm của ông về việc giải quyết yêu cầu của bà Ng cũng như giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, bà Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các văn bản, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Ng khởi kiện ông T (cư trú tại huyện Thới Lai) về việc ly hôn. Vụ án được Tòa án thụ lý, xác định quan hệ pháp luật để giải quyết "tranh chấp về việc ly hôn" theo thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử căn cứ

điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét vắng mặt đối với ông T.

[3] Về hôn nhân: Theo tinh thần của Luật Hôn nhân và gia đình, một trong những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, cùng nhau chung sống, cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng trong khoản thời gian từ 2011 đến 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, tuy đã có những biện pháp hàn gắn nhưng không đạt kết quả, tình trạng này kéo dài dẫn đến việc ông bà sống ly thân. Tuy sống ly thân nhưng ông bà vẫn chung sống cùng địa chỉ nên bầu không khí tròn gia đình, tình cảm của cả ông bà và các con đều trở nên căng thẳng, ảnh hưởng đến tâm lý, tinh thần các thành viên trong gia đình. Trên thực tế thấy rằng trong nhận thức của ông bà chuyện vợ chồng đã không còn hòa hợp để tìm được tiếng nói chung, ông bà không mong muốn tiếp tục cùng nhau chung sống, vun đắp, xây dựng hạnh phúc gia đình. Đây là cơ sở để xác định tình nghĩa vợ chồng của ông bà đã không còn thực thi, từ đó mục đích của hôn nhân đến đây không đạt nên không thể tiếp tục duy trì. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Ng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con: Con chung Triệu Thị Việt A (Nữ), sinh năm 1988 và Triệu Việt Kh (Nam), sinh năm 1990 đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng đối với ông bà.

[5] Về tài sản và nợ: Theo các tài liệu, chứng cứ kèm theo hồ sơ khởi kiện thể thể bà cung cấp Đơn thuận tình ly hôn đề ngày 09/10/2018 có thể hiện chữ ký mang tên Triệu Thanh T và Phạm Kim Ng, được Ủy ban nhân dân xã Đông Bình, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xác nhận ngày 09/10/2019. Cũng theo đơn này, có thể hiện nội dung xác nhận Đơn và chữ viết, chữ ký mang tên Triệu Thanh T có nhắc đến việc ông T nhiều lần gây nợ và bà Ng đã trả hết nợ. Do ông T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên không thể ghi nhận, xác thực việc nợ nần của ông cũng như việc xác định ông nợ người nào, cụ thể bao nhiêu tiền nên Hội đồng xét xử không xem xét đến việc nợ này mà chỉ ghi nhận lời trình bày của bà Ng về việc không có tài sản, không có nợ. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp được giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Bà Ng phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Phạm Kim Ng.

Về hôn nhân: Bà Phạm Kim Ng ly hôn với ông Triệu Thanh T.

Về con: Con chung Triệu Thị Việt A (Nữ), sinh năm 1988 và Triệu Việt Kh (Nam), sinh năm 1990 đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Về tài sản, nợ: Ghi nhận lời trình bày của bà Ng về việc không có tài sản, không có nợ, trường hợp sau này phát sinh tranhh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Về án phí: Bà Phạm Kim Ng phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: AA/2016/003063 ngày 23 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Bà không phải nộp thêm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp. Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS H. Thới Lai;
- Ủy ban nhân dân X. Đông Bình, H. Thới Lai, Tp. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: TK. Tưởng, hồ sơ vụ án (TC: 12).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Minh Mẫn